

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 1,45 ha) tại sông Lại Giang, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1520/STNMT-CCBVMT ngày 18/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Lại Giang, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Lại Giang, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 10/CV-TH ngày 15/5/2024 của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 608/TTr-STNMT ngày 29/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Chủ dự án:
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Hoài Hương;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG TẠI SÔNG LẠI GIANG, PHƯỜNG HOÀI HƯƠNG,
THỊ XÃ HOÀI NHƠN (DIỆN TÍCH 1,45 HA)
CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THÀNH HƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Lại Giang, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Địa điểm thực hiện: Sông Lại Giang, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương.

- Địa chỉ liên hệ: Khu phố An Dinh 2, phường Hoài Thanh, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0256. 3564 079.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 1,45 ha.

- Thời gian khai thác: 02 năm.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00).

- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng được phép khai thác theo Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh Bình Định là 15.171 m³. Công suất, thời gian khai thác như sau:

+ Năm 1 (dự kiến năm 2024): 5.000 m³ cát địa chất.

+ Năm 2 (dự kiến năm 2025): 10.171 m³ cát địa chất.

Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương chỉ được cấp phép khai thác khoáng sản khi cung cấp đầy đủ các hồ sơ thi công các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, phù hợp tiêu chí khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

1.3. Trình tự, phương pháp khai thác: Mở vĩa khai thác từ phía Tây Nam dự án (tại điểm góc số 3), khai thác theo lớp bằng, chiều sâu khai thác trung bình (0,9-1,25) m, cao trình kết thúc khai thác không thấp hơn +0,0. Tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dải từ thượng lưu về hạ lưu và từ ngoài lòng sông vào bờ. Sử dụng 01 máy đào (dung tích gầu 0,8 m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa cát tạm để rút nước trước khi đưa lên ô tô vận chuyển tải trọng 12 tấn đến nơi thi công công trình.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực sân công nghiệp diện tích khoảng 400 m² (nằm ngoài ranh giới mỏ) bố trí nhà công nhân, nhà vệ sinh di động, khu vực chứa thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại. Chủ dự án phải thực hiện đảm bảo các thủ tục pháp lý về đất đai đối với khu vực sân công nghiệp.

- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong khu vực mỏ) diện tích khoảng 500 m² để thực hiện lưu chứa cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày và thu dọn, tháo dỡ trước ngày 15/9 hằng năm.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ: Mở mới tuyến đường (kết cấu bằng đất đầm chặt) từ bờ kè phía Bắc đến ranh giới phía Tây Nam khu mỏ có kích thước: dài 540m x rộng 4m. Để đảm bảo thoát nước qua tuyến đường, Công ty bố trí 2 làn cống (gồm: 4 cống BTCT Ø1.000, chiều dài 2,5 m) kết hợp đá dăm bên trên.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Tuyến đường nội bộ và bãi lưu chứa cát tạm có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, kè ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của người dân trong khu vực.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,56 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác cát, sàng cát và vận chuyển cát đến các công trình.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu mỏ:

+ Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 01 kg/năm.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý. Khi bê đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng cho phép trên các tuyến đường và kè; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát (đoạn đường đất): thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi lưu chứa cát tạm: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có.

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng công việc	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện và hoàn thành
I	Khu vực mỏ				
1	San gạt lại khu vực khai thác do quá trình khai thác tạo hầm, hố đào.	m ³	758,6	Không tạo hố lồi	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
2	Tháo dỡ đường giao thông nội bộ vào năm khai thác cuối	m ³	2.880	Không tạo hố lồi	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng công việc	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện và hoàn thành
3	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	cái	4	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án.
4	Đo vẽ địa hình mặt cắt sông khu vực thượng lưu, hạ lưu và khu vực dự án.	ha	1,45	Giám sát chiều sâu khai thác. Bản đồ địa hình khu vực dự án.	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
II Khu vực ngoài mỏ					
1	Tháo dỡ đường giao thông ngoài mỏ	m ³	900	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
2	Tháo dỡ cống ngầm	Cấu kiện	4		Định kì khi có cát vương vãi và sau khi thúc khai thác mỏ.
3	Vệ sinh mặt đường bê tông (đoạn có rơi vãi cát qua khu dân cư).	m ³	100		
4	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh.	m ²	15	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường 116.185.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn*).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 29.046.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 87.139.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc khai thác Công ty thực hiện tháo dỡ đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con. Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy.

- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.